

TRẬN CHIẾN “ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG” (12/1972) QUA ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY

HUYỀN TÂM SÁNG

TÓM TẮT

Tháng 12/1972, không quân Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh, thành phố lớn trên hậu phương miền Bắc với mục tiêu đánh gục ý chí và khát vọng “độc lập, tự do” của dân tộc Việt Nam, giành lợi thế trên bàn đàm phán tại Paris. Với sự chuẩn bị chủ động, chu đáo, quân và dân miền Bắc, nòng cốt là quân và dân Hà Nội đã giành thắng lợi to lớn trong cuộc đối đầu lịch sử với không quân nhà nghề Mỹ trên bầu trời miền Bắc và bầu trời Thủ đô. Chiến thắng này đã được ví như một “Điện Biên Phủ trên không”. Bài viết góp phần làm rõ hơn những giá trị của trận “Điện Biên Phủ trên không” qua những đánh giá của các học giả phương Tây.

1. VỀ NGUYÊN NHÂN HOA KỲ TIẾN HÀNH CHIẾN DỊCH LINEBACKER II

Sau khi gặp bất lợi trên cả hai mặt trận quân sự và trên bàn đàm phán ở Hội nghị Paris, Lầu Năm Góc đã chính thức xây dựng kế hoạch cho cuộc tập kích đường không chiến lược vào miền Bắc Việt Nam

mang tên “Chiến dịch Linebacker II”, huy động một khối lượng vũ khí kỹ thuật khổng lồ và hiện đại bậc nhất của không quân và hải quân Mỹ. Đây được xem là chiến dịch không quân lớn nhất của Mỹ kể từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai đến năm 1972, với gần 50% tổng số máy bay B-52 hiện có (193/404), hơn 1/3 tổng số máy bay chiến thuật (cả tiêm kích và cường kích gồm (1077/3.041 chiếc trong đó có 01 biên đội F111 với 50 chiếc), chưa kể hàng trăm máy bay trinh sát, máy bay gây nhiễu, máy bay tiếp dầu, máy bay chỉ huy liên lạc dẫn đường; 1/4 tổng số tàu sân bay của toàn nước Mỹ (6/24 chiếc), 60 tàu chiến các loại của Hạm đội 7 (Đào Duy Quát, 2012). Mỹ tuyên bố đưa Hà Nội trở về “thời kỳ đồ đá”, hòng giành lợi thế trên bàn đàm phán ở Paris (Pháp); đồng thời phá hủy tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện cho cách mạng miền Nam, đánh gục ý chí và khát vọng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Việc Mỹ tiến hành một cuộc tập kích chiến lược lớn vào Hà Nội và các tỉnh phía Bắc đã được dự đoán trước. Từ đầu năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Sớm muộn rồi để quốc Mỹ cũng sẽ đưa B-52 ra đánh Hà Nội rồi có thua nó mới chịu thua (...) Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua, nhưng nó

chỉ thua khi thua trên bầu trời Hà Nội” (Lưu Trọng Lân, 2002, tr. 141-142). Về nguyên nhân cuộc chiến “Điện Biên Phủ trên không” các sử gia phương Tây đã có những cái nhìn đa chiều. Có thể kể ra một số nhận định tiêu biểu, mang tính khái quát sau:

Thứ nhất, Nixon cần ký kết Hiệp định sớm để tập trung giải quyết vấn đề Watergate. Rõ ràng, mặc dù vào cuối năm 1972, Nixon đã thắng cử nhưng các khó khăn của ông vẫn chất chồng và ngày càng tỏ ra nghiêm trọng. Trong năm 1972, vấn đề Watergate vẫn chưa bị dư luận phát hiện nhưng “mối quan hệ giữa những người bị bắt⁽¹⁾ và Nhà Trắng ngày càng khó che đậy” (Langguth, 2002, tr. 613). Với lập luận này, giáo sư Arthur John Langguth cho rằng việc ném bom miền Bắc Việt Nam chính là biện pháp hữu hiệu giúp Nixon sớm ký kết Hiệp định để tập trung sức đối phó với vấn đề Watergate. Thông qua việc ném bom miền Bắc Việt Nam, Nixon hy vọng có được những kết quả khả quan và qua đó góp phần chuyển hướng chú ý của dư luận trong nước. Để chiến dịch thành công, Nixon đã quyết định sử dụng B-52 như là con “át chủ bài” trong chiến dịch này.

Thứ hai, nỗi sợ hãi từ các vấn đề trong và ngoài nước đã khiến Nixon không thể bình tĩnh và kiên nhẫn được nữa. Trung tá George R. Jackson cho rằng trước tháng 12/1972, cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam đều không chấp nhận những lời đề nghị hòa bình của Mỹ. Tổng thống Nixon khi ấy phải đối mặt với các mối đe dọa từ Quốc hội, sự không khoan nhượng của các nhà lãnh đạo Việt Nam và lời kêu gọi

rút quân từ trong và ngoài nước Mỹ (Jackson, 1989, tr. 55). Chính vì lẽ đó, Nixon đã quyết định chơi con bài không quân Linebacker II hòng tìm kiếm những bất ngờ có thể, thay vì sử dụng phương thức tác chiến cũ là bộ binh. Chiến dịch này là chuỗi nối tiếp chiến lược đánh phá miền Bắc trước đó của Mỹ.

Thứ ba, Nixon tin rằng chính sách “cây gậy và củ cà rốt” (stick and carrot policy), trong đó trực tiếp là cây gậy với chiến dịch ném bom chiến lược miền Bắc sẽ buộc phía miền Bắc Việt Nam trở lại bàn đàm phán và cùng với Mỹ giải quyết các vấn đề trên bàn đàm phán có lợi cho Mỹ. Lịch sử đã minh chứng cụ thể việc Nixon đã đưa ra lời đề nghị với Hà Nội sẽ cùng nhau gấp gờ vào bất cứ khoảng thời gian nào sau ngày 26/12, dựa vào các điều khoản phác thảo mở rộng vào tháng 11/1972 với một vài thay đổi đã được thống nhất (Nixon, 1978, tr. 242-246). Trong khi các quan chức thân cận đề nghị nên tiếp tục hoãn việc ném bom miền Bắc đến sau ngày lễ Giáng sinh thì Nixon cho rằng Mỹ chỉ có thể đạt được mục tiêu của mình bằng cách tiếp tục sử dụng vũ lực gây sức ép (McCarthy và Allison, 1979, tr. 99-123; Clodfelter, 2006, tr. 188).

Thứ tư, tính hiếu chiến của Tổng thống Nixon là nguyên nhân làm tăng tính khốc liệt của cuộc chiến 12 ngày đêm. Không như đợt ném bom tháng 5/1972, lần này Nixon hoàn toàn không tuyên bố thanh minh với dư luận Mỹ và quốc tế. Theo học giả Mỹ Jeffrey Kimball, người chuyên nghiên cứu về cuộc chiến của Nixon tại Việt Nam, khi Kissinger khuyên Nixon nên giải thích cho nhân dân Mỹ hiểu tại sao nên tăng cường ném bom miền Bắc và từ

đó tranh thủ sự ủng hộ của họ thì Nixon đã bác bỏ gợi ý đó và cho rằng điều này sẽ khiến ông hứng chịu búa rìu của dư luận (Kimball, 2002, tr. 361). William S. Turley (1986, tr. 152), chuyên gia nghiên cứu chính trị Việt Nam và quan hệ quốc tế (hiện đang thỉnh giảng tại Southern Illinois University) bình luận: “Làm sao Nixon có thể nói với nhân dân Mỹ rằng chính Nixon chứ không phải Hà Nội đã từ bỏ thỏa thuận tháng Mười và Nixon tiến hành ném bom là để ép Hà Nội chấp nhận những gì mà Hà Nội đã chấp nhận rồi?”. Rõ ràng, tính cố chấp và hiếu chiến của Nixon với quyết tâm “thà im lặng còn hơn bị lên án” đã khiến chiến dịch không thể được ngăn chặn và thậm chí còn bị đẩy lên mức độ cao hơn.

Thứ năm, trên bình diện quan hệ quốc tế, Mỹ muốn thông qua cuộc tấn công miền Bắc Việt Nam để tác động lên mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc lúc bấy giờ. Mark Clodfelter, giáo sư lịch sử quân sự tại *National War College* (Washington, DC.), khẳng định chiến dịch Linebacker II là “một công cụ *phù hợp* để đạt được các *mục tiêu cụ thể* của Nixon trong hoàn cảnh chính trị, quân sự *lúc đó*” (Clodfelter, 1989, tr. 177-292). Ông còn lập luận rằng đây chính là thời điểm *phù hợp* để Nixon tiến hành phô diễn vũ lực trên quy mô lớn và rằng Nixon không hề có ý định tiêu diệt Hà Nội hay đưa Hà Nội “trở về thời kỳ đồ đá” (stone age tactic). Thay vào đó, cùng với chiến dịch Linebacker I và II thì Hoa Kỳ chỉ có ý định thương lượng để có những lợi ích tích cực hơn và chấm dứt dính líu để đạt được mục tiêu: vừa tạo điều kiện thuận lợi cho sự rút lui của lực lượng mặt đất của Mỹ ra khỏi Việt Nam trong khi vẫn duy trì một nền

“hòa bình trong danh dự” (peace with honor), vừa đảm bảo cho miền Nam Việt Nam không bị sụp đổ ngay sau khi Mỹ triệt thoái khỏi Việt Nam.

Đến năm 1972, Liên Xô và Trung Quốc đã trở thành thù địch với nhau, và cả hai tìm kiếm các mối quan hệ tốt hơn với Hoa Kỳ như một vùng đệm chống lại bên kia. Nixon khéo léo sử dụng ngoại giao để đạt được sự hòa dịu với cả hai, cụ thể Nixon đã đặt cơ sở cho vụ ném bom này qua sự hòa dịu với Liên Xô và việc nối lại quan hệ với Trung Quốc. Những sáng kiến này đã giúp Nixon rảnh tay đạt được các mục tiêu hạn chế mà không cần lo ngại đến việc “mở rộng” chiến tranh ở Việt Nam. Vì vậy, những điều kiện vào cuối năm 1972 là chưa từng có, và với những điều kiện này, vụ ném bom tháng Mười hai có thể hiệu quả trong việc hoàn tất bản Hiệp định trước khi Quốc hội kết thúc viện trợ quân sự và chấm dứt sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam với những điều khoản làm hài lòng chính quyền Nixon.

2. VỀ “THẤT BẠI” CỦA MỸ TRONG CHIẾN DỊCH LINEBACKER II

Các vụ ném bom rải thảm B-52 đầu tiên của Mỹ xuống thủ đô Hà Nội và Hải Phòng vào cuối giờ chiều ngày 18/12/1972, mở màn cuộc tập kích chiến lược trên không Linebacker II, đã gây ra những tổn thất về người và của to lớn cho nhân dân miền Bắc Việt Nam. Theo đánh giá của phía Mỹ, các vụ ném bom đã làm thiệt hại hoặc phá hủy 1.600 khu quân sự, 372 xe tải và toa tàu, 25% lượng dự trữ dầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 80% số nhà máy điện và vô vàn nhà máy và các tài sản khác (Robert E. Rayfield và George B. Allison và

James R. McCarthy, 1985, tr. 171). Neil Sheehan, chuyên gia nghiên cứu chính trị và quan hệ quốc tế, đã tường thuật lại cuộc oanh tạc và những hậu quả của nó trong quyển *After the War Was Over: Hanoi and Saigon* (1992, tr. 61): “Khi một người khách đi xem triển lãm về cuộc chiến tranh Hoa Kỳ, người đó dần dần thấy mình như đang ở giữa cuộc chiến đấu với B-52. Thoạt đầu là một đồng sắt vụn trong sân Bảo tàng viện, đó là tàn tích của một trong những máy bay bị bắn hạ ngày 18/12/1972, đêm đầu tiên của cuộc không tập. Gần đó là một phần bị tách rời của thân máy bay một B-52 khác với phù hiệu của Bộ Tư lệnh Không quân Chiến lược, một ánh chớp gắn trên một nắm tay, được sơn trên đó ...”. Ngoài ra, các thiệt hại về người cũng đáng kể mặc dù người dân Hà Nội và Hải Phòng đã sơ tán từ trước. Theo Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, có 1.328 dân thường ở Hà Nội và 305 ở Hải Phòng đã chết, thêm 1.261 người bị thương trong vụ ném bom từ ngày 18 đến 29 tháng 12 (Michael Clodfelter, 1995, tr. 224). Giáo sư James H. Willbanks (2004, tr. 181) chỉ rõ rằng mặc dù Bắc Việt Nam là phe thắng trận nhưng cũng phải trả một cái giá quá đắt đỏ với hơn 15.000 tấn bom B-52 rải xuống thủ đô Hà Nội. Kéo dài trong vòng 12 ngày, các hành động ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam của Nixon và Kissinger được xem là “canh bạc quá lớn” trong chiến dịch “ném bom mùa giáng sinh”⁽²⁾. Tuy nhiên, chiến dịch Linebacker II không chỉ gây thiệt hại cho nhân dân miền Bắc Việt Nam mà cũng khiến người Mỹ phải trả giá quá đắt với tổn thương về người và thất bại về quân sự, chính trị.

Theo học giả Enrique Sebastian Arduengo (2007, tr. 21), chiến dịch Linebacker II đã có những tác động nhất định đến thái độ của phía miền Bắc Việt Nam trên bàn đàm phán. Tuy nhiên, về lâu dài, lực lượng không quân của Mỹ không thể phát đi thông điệp có chủ đích của mình đến miền Bắc Việt Nam. Quốc gia này hoàn toàn không bị đánh bại, và hai năm sau khi hòa bình được ký kết thì miền Bắc Việt Nam đã đạt được chiến thắng mà họ mong mỏi từ rất lâu.

Một số ý kiến khác có phần bênh vực cho Nixon. Jonathan Aitken (1996, tr. 460) cho rằng vụ ném bom tháng Mười hai là “một sự kiện thảm khốc cần thiết”. Bằng tuyên bố ấy, Aitken lập luận vụ ném bom đã dẫn đến Hiệp định mà ý nghĩa quan trọng của nó là nhanh chóng làm giảm các hoạt động quân sự ở Việt Nam. Thực tế, Jerrold L. Schecter tiết lộ rằng kế hoạch Linebacker II đã được trù bị và lên kế hoạch cụ thể. Khi Quốc hội không có phiên họp thì Nixon sẽ nhanh chóng tiến đánh ồ ạt vào Hà Nội và Hải Phòng (Tien Hung Nguyen và Schecter, 1986, tr. 140). Như vậy, “sự kiện thảm khốc cần thiết này” đã được chủ ý qua mặt Quốc hội Mỹ. Stephen Edward Ambrose, nhà sử học nổi tiếng người Mỹ và là nhà viết tiểu sử nổi tiếng về 2 Tổng thống Mỹ là Dwight D. Eisenhower và Richard Nixon, đã viết trong tác phẩm *Ruin and Recovery, 1973-1990* (1992, tr. 45) rằng vụ ném bom là “quá ít, quá muộn” và Nixon đã “phát động một cuộc tấn công tổng lực nhưng lại không đạt được kết quả như mong muốn”.

Về chiến lược rải bom miền Bắc Việt Nam, sử gia Larry Berman nhận định kế hoạch

dự phòng Linebacker II trù liệu dội bom liên tục suốt nhiều ngày đêm với mục đích đánh phá tối đa các mục tiêu quan trọng và có giá trị nhất ở miền Bắc Việt Nam. Trong khi Linebacker I hồi tháng 5/1972 chỉ nhằm tiêu diệt khả năng chiến tranh của miền Bắc, đồng thời chứng tỏ cho miền Nam thấy rằng ông là con người sắt thép. Mark Clodfelter giải thích rằng “Máy bay B-52, với khả năng trọng tải bom quy ước rất lớn, và khả năng hoạt động trong mọi điều kiện thời tiết, là khí cụ quan trọng nhất của không lực để gây sụp đổ tinh thần của kẻ địch”. Tuy nhiên, cũng theo Mark Clodfelter “Linebacker không mang đến một nền “hòa bình trong danh dự” như Nixon mong muốn... Nó đã làm tăng sự chống đối của Thiệu đối với thỏa ước vì nó làm cho Thiệu tin rằng ông có thể toàn thắng” (Larry Berman, 2003, tr. 184, 290). Nhìn nhận theo cách khác, William Head (2012, tr. 25), một sử gia Hoa Kỳ chuyên nghiên cứu về không quân Mỹ, cho rằng chiến dịch trên không Linebacker II là chiến lược đã đạt được những thành công đáng kể(?), tuy nhiên đến cuối năm 1972, cũng giống như nước Anh vào năm 1783, công luận Mỹ và các tổ chức xã hội đã quá mệt mỏi với cuộc chiến và không còn nhận thấy bất kỳ giá trị tích cực nào cho việc hy sinh tuổi trẻ và tài sản của công dân Mỹ cho cuộc chiến của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Cụ thể, gần nửa tài sản của nước Mỹ đã được chi cho cuộc chiến tại Việt Nam với gần 200 tỷ đô la chi cho các hoạt động liên quan đến không quân (Thayer, 1985, tr. 26, 37).

Trong tổng thể những thất bại của Mỹ khi thực hiện chiến dịch trên bầu trời miền Bắc Việt Nam, thì thất bại lớn nhất của người Mỹ chính là về chính trị và ngoại giao. Uy

tín của Mỹ bị sụt giảm đáng kể khi chính người Mỹ cũng công khai phản đối những hành động hiếu chiến của Nixon. Anthony Lewis, từng giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Columbia, Harvard, Arizona, California, Illinois, và Oregon từ giữa thập niên 70 đã buộc tội các hành động ném bom của Nixon như “một tên bạo chúa bị chọc tức” (*New York Times*, 1972). Nhà sử học George C. Herring (1979, tr. 248-249) chỉ ra rằng tại Mỹ, Nixon bị ví như một kẻ điên rồ (madman), rất nhiều những người từng ủng hộ cuộc ném bom Linebacker I hồi tháng 5/1972 đã chất vấn tính cần thiết và cả sự bất thường của chiến dịch Linebacker II. Nhà nghiên cứu sử học Pierre Asselin (2012, tr. 231) đã nhấn mạnh tính khốc liệt và phi nghĩa của cuộc chiến 12 ngày đêm ở miền Bắc Việt Nam. Ông cho rằng: “Cuộc không kích tháng Mười hai là một cố gắng liều lĩnh của chính quyền Nixon nhằm đem lại sự khai thông cuối cùng cho đàm phán và chấm dứt sự dính líu của Mỹ vào cuộc chiến tranh trong danh dự (...) Tuy nhiên, tại Mỹ, cuộc ném bom lễ Giáng sinh đã làm cho công chúng và Quốc hội Mỹ thêm vỡ mộng về cuộc chiến tranh khi họ biết rằng những mục tiêu dân sự cũng nằm trong tầm rải bom hủy diệt của B-52. Vì thế, việc ký kết một hiệp định trong những ngày cuối năm 1972 tự nó đã là một sự kết thúc cho cả Washington và Hà Nội”. Trong số các học giả có những đánh giá về cuộc chiến trên bầu trời Hà Nội, Bộ trưởng Ngoại giao thời Richard Nixon, Henry Kissinger – người trực tiếp đàm phán tại Hội nghị Paris và cố vấn cho Tổng thống Nixon, đã thẳng thắn thừa nhận: “Sự căm phẫn về đạo đức tăng lên

từng ngày. Nước Mỹ đã nhanh chóng chìm ngập trong làn sóng thịnh nộ đang dâng cao quá mức trước cuộc ném bom được tiếp tục từ ngày 18/12, kéo dài 12 ngày... Người ta phản đối Chính phủ Mỹ đang cố tình giết dân thường. Người ta nhanh chóng buộc tội chính quyền là “phi đạo đức” và “lừa gạt”; “dã man tàn bạo” là một tính từ hay được dùng” (Thông tấn xã Việt Nam, 2007, tr. 264). Chính sự thất bại của âm mưu gây sức ép của Nixon lên miền Bắc Việt Nam đã kéo theo sự đánh mất niềm tin của Quốc hội Mỹ đối với việc tiếp tục tiến hành chiến tranh. Nhà Trắng ngày càng chịu áp lực từ những cuộc biểu tình của nhân dân Mỹ lên án chiến tranh ở Việt Nam.

Thất bại nặng nề trong chiến dịch Linebacker II đã khiến Mỹ phải cân nhắc về việc ngồi lại bàn đàm phán. Sử gia Gareth Porter, với tác phẩm *A Peace Denied: The United States, Vietnam, and the Paris Agreement*, được tạp chí uy tín *Foreign Affairs* đánh giá là tác phẩm lịch sử ngoại giao đương đại “rõ ràng, khúc chiết, thẳng thắn” về chiến tranh Việt Nam, lập luận rằng “bước đột phá” của chiến dịch Linebacker II là việc chiến dịch này đã buộc phía Mỹ phải quay lại bàn đàm phán ở Hội nghị Paris và ký kết Hiệp định Paris vào tháng 1/1973. Bên cạnh những thất bại về quân sự, kết quả này còn xuất phát từ việc chính quyền Nixon chịu áp lực quá lớn từ các phản ứng trong nước và quốc tế. Gareth Porter còn nhấn mạnh, thất bại của vụ ném bom đã buộc Nhà Trắng phải chấp nhận các điều khoản đã bác bỏ trước đó và điều này đã làm cho Hiệp định Paris trở nên hiện thực. Thất bại của vụ ném bom đã cho thấy “việc phô trương sức mạnh có

thể chuyển thành thất bại về mặt ngoại giao” (Porter, 1975, tr. 247). Ngoài việc vụ ném bom thất bại, Quốc hội còn dọa ngừng cấp ngân sách cho cuộc chiến, điều này càng khiến Nixon phải đạt được Hiệp định với bất cứ giá nào. Vì vậy, chính quyền Nixon đã đồng ý các vấn đề thực chất và cố gắng chấp thuận các yêu cầu mới mà miền Bắc Việt Nam đưa ra. Theo lời lý giải này, mục tiêu của Hà Nội là đạt được một thỏa thuận với các điều khoản của bản dự thảo Hiệp định tháng Mười, và họ đã đạt được (Asselin, 2012, tr. 247-248). Gareth Porter (1975, tr. 248) cũng nhận định sâu sắc hơn: “Vụ ném bom Hà Nội và Hải Phòng thất bại cả về mặt chính trị và quân sự đã khiến cho Hiệp định Paris trở nên có thể”; “nó đã buộc Nixon và Kissinger phải chấp nhận chính những điều khoản mà họ đã bác bỏ trong các tháng Mười, Mười một và Mười hai”.

Phóng viên đồng thời là nhà nghiên cứu sử học Alan Dawson nhận định rằng chính những hậu quả chính trị mà vụ ném bom mang lại đã buộc Nixon phải hoàn tất Hiệp định trước khi Quốc hội mới có thời gian hành động chống lại cuộc chiến. Điều này đồng nghĩa với việc Mỹ không thể áp đặt thêm một yêu cầu nào nữa đối với Hà Nội. Như vậy, vụ ném bom và những hậu quả của nó là lý do quan trọng hàng đầu góp phần giúp bản Hiệp định được hoàn tất vào tháng Giêng năm 1973. Thêm nữa, Alan Dawson (1977, tr. 123) cho rằng nếu Nixon tiếp tục kéo dài chiến dịch Linebacker II thì Hà Nội rất có thể sẽ chịu nhiều thiệt hại hơn. Tuy nhiên, theo ông đây là điều khó có thể xảy ra vì những nhà cách mạng Việt Nam đã chiến đấu cho sự độc lập và thống nhất đất nước trong mấy

thập kỷ qua. Vì lẽ đó, bất cứ nỗ lực ném bom nào, ngoại trừ việc sử dụng bom nguyên tử có thể buộc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời/Mặt trận Dân tộc giải phóng từ bỏ vĩnh viễn những mục tiêu của họ. Các học giả phương Tây, trong các tác phẩm của mình cũng bày tỏ sự thán phục đối với nhân dân miền Bắc: “Hà Nội có rất nhiều hầm trú ẩn, các khách sạn không hề có công sự bảo vệ như ở Sài Gòn. Bồn chồn, bứt rứt thì người trong nước Mỹ ta bồn chồn, bứt rứt nhiều. Ở đây chỉ thấy quyết tâm và hy sinh, chỉ thấy một thái độ nghiêm trang” (Pteco, 1984, tr. 77). Lúc này, trong cơn mắt bạn bè quốc tế yêu chuộng hòa bình, Việt Nam (mà tâm điểm là Hà Nội) được xem như là “lương tâm của thời đại”.

3. KẾT LUẬN

Về cơ bản, các học giả phương Tây đều nhìn nhận chiến dịch Linebacker II là chiến dịch quân sự lớn cuối cùng mà qua đó Hoa Kỳ mong muốn đạt được những mục tiêu cụ thể. Trong đó, việc áp dụng sức mạnh không quân áp đảo với niềm kiêu hãnh về B-52 - “siêu pháo đài bay chiến lược bất khả xâm phạm” là nhằm uy hiếp miền Bắc Việt Nam, khiến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận các yêu sách của Mỹ trên bàn đàm phán ở Hội nghị Paris. Đây cũng là cách để Mỹ có thể rút khỏi Việt Nam một cách êm thấm và đạt được một “nền hòa bình trong danh dự”.

Nhìn nhận một cách tổng quát, các học giả phương Tây vẫn có xu hướng “ngiên về phía Mỹ” khi cho rằng mặc dù Mỹ đã có những tổn thất nặng nề nhưng trận chiến 12 ngày đêm đã mang lại cho Mỹ lý do thỏa đáng là miền Bắc Việt Nam đồng ý

ngồi lại để thống nhất các điều khoản kết thúc chiến tranh ở Việt Nam. Và đó là thắng lợi lớn nhất mà người Mỹ thu được sau chiến dịch Linebacker II. Đây là điều dễ hiểu, khi đa số các học giả phương Tây vẫn bị chi phối bởi quan niệm về lợi ích quốc gia. Các trích dẫn và thông tin tham khảo để chứng minh cho các lập luận của các nhà nghiên cứu phương Tây vẫn xuất phát từ tài liệu và quan điểm của Mỹ là chính, vốn một chiều và có ý đồ che đậy những thất bại thật sự trên chiến trường trước công chúng Mỹ.

Tuy nhiên, có thể thấy điểm tích cực và cần nghiên cứu kỹ lưỡng là việc các học giả đã cung cấp những lý do hợp lý cho việc Nixon quyết định sử dụng “con bài B-52” tại bầu trời Hà Nội. Những thiệt hại về người và các nguồn lực khác của Mỹ và Hà Nội cũng được các sử gia nhìn nhận thẳng thắn, tích cực. Và trên hết, nhiều nhà nghiên cứu phương Tây thông qua các nghiên cứu của mình đã góp phần lên án chiến tranh phi nghĩa, xem đây là những hành động điên rồ mà Mỹ đã thực hiện và kéo theo hậu quả là bị sa lầy ở chiến trường miền Bắc Việt Nam. Sự tự tin thái quá về tính ưu việt của B-52 và không lực Hoa Kỳ đã bị dập tắt qua cuộc chiến 12 ngày đêm – khoảng thời gian thử thách và chứng minh lòng quả cảm, sự mưu trí của quân và dân thủ đô Hà Nội. Máy bay B-52, con “át chủ bài” cuối cùng của Mỹ, cũng không thể lật ngược được thế cờ! (Bộ Ngoại giao, 2007, tr. 167). □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Ngày 17/6/1972, 5 gián điệp thông tin bị bắt tại trụ sở của Ủy ban Toàn quốc đảng Dân chủ Mỹ, trong khu nhà văn phòng của khách sạn

Watergate tại thủ đô Washington. Chính quyền Nixon đã gây áp lực trở lại đối với CIA và FBI vì cho rằng, nếu những thông tin này bị tiết lộ sẽ ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia. Cho đến khi bài viết đầu tiên của Bob Woodward và Carl Bernstein về vụ gián điệp thông tin của Nixon xuất hiện trên mặt báo Washington Post thì Nixon mới cảm thấy lo lắng thực sự và chỉ đạo Bộ Tư pháp Mỹ ra lệnh cấm công bố các tài liệu tuyệt mật. Tuy nhiên, ngày 21/6/1971, Tòa án tối cao Mỹ ra phán quyết hai tờ báo trên thắng kiện, đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử báo chí của Mỹ. Quốc hội Mỹ bèn lập Ủy ban điều tra. Trước nguy cơ bị Quốc hội phế truất, ngày 9/8/1974, Tổng thống Nixon tuyên bố từ chức.

⁽²⁾ Điện của Tướng Alexander Haig gửi Ngoại trưởng Henry Kissinger, ngày 20/12/1972, Trại David - Sensitive Vol. XXII, Tài liệu dành cho Tổng thống - Winston Lord, Vietnam Negotiations, Box 4, POW/MIA, NPMP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aitken, Jonathan. 1996. *Nixon: A Life*. Regnery Publishing.
2. Ambrose, Stephen Edward. 1992. *Ruin and Recovery, 1973-1990*, Touchstone Books.
3. Arduengo, Enrique Sebastian. 2007. *Hail Mary: The Effect of the 1972 “Linebacker” Bombings on the Paris Peace Accords*. Department of History. University of North Texas.
4. Asselin, Pierre. 2012. *Nền hòa bình mong manh - Washington, Hà Nội và tiến trình của Hiệp định Paris*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Berman, Larry. 2003. *Không hòa bình, chẳng danh dự: Nixon, Kissinger và sự phân bại ở Việt Nam*. Việt Tide.
6. Bộ Ngoại giao. 2007. *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

7. Clodfelter, Mark. 1989. *The Limits of Air Power: The American Bombing of North Vietnam*. Free Press.
8. Clodfelter, Michael. 1995. *Vietnam in Military Statistics: A History of The Indochina Wars, 1772-1991*. McFarland & Company. Incorporated Publishers.
9. Clodfelter. 2006. *The Limits of Air Power: The American Bombing of North Vietnam*. Bison Books.
10. Dawson, Alan. 1977. *55 Days: The Fall of South Vietnam*. Prentice-Hall.
11. Đào Duy Quát. 2012. “Hà Nội-Điện Biên Phủ trên không”: Chiến thắng của trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam. Ngày 13/12. http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/Preview/Print-Preview.aspx?co_id=30257&cn_id=560114 (truy cập ngày 3/4/2013).
12. Head, William. 2012. *Linebacker Operations And U.S. Strategic Bombing At The End Of The Second Indochina War*. Robins Air Force Base. The Virginia Review of Asian Studies (VRAS).
13. Herring, George C. 1979. *America’s Longest War: The United States and Vietnam, 1950-1975*. John Wiley & Sons.
14. Jackson, George R.. 1989. *Linebacker II: An Examination of Strategic Use of Airpower*. Air University. United States Air Force Maxwell Air Force Base. Alabama.
15. Kimball, Jeffrey. 2002. *Nixon’s Vietnam War*. University Press of Kansas.
16. Kissinger, Henry. 2007. *Kết thúc chiến tranh Việt Nam*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Thông tấn xã Việt Nam. Tập 2.
17. Langguth, A.J. 2002. *Our Vietnam: The War 1954-1975*. Simon & Schuster.
18. Lưu Trọng Lân. 2002. *Điện Biên Phủ trên không, chiến thắng của ý chí và trí tuệ Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.

19. McCarthy and Allison. 1979. *A View from the Rock*. Air War College. Airpower Research Institute. Washington. U.S. Govt. Print.
20. Nguyen, Gregory Tien Hung and Jerrold L. Schechter. 1986. *The Palace File*. New York: Harper and Row.
21. Nixon, Richard M. 1978. *RN: The Memoirs of Richard Nixon*. NY: Warner Books.
22. Porter, Gareth. 1975. *A Peace Denied: The United States, Vietnam, and the Paris Agreement*. Bloomington: Indiana University Press.
23. Pteco, H. 1984. *Hà Nội trong con mắt bạn bè*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
24. Rayfield, Robert E., George B. Allison, James R. McCarthy. 1985. *Linebacker II: A View from the Rock*. USAF Southeast Asia monograph series. Volume 6, monograph 8. Office of Air Force History. Washington. D.C.
25. Sheehan, Neil. 1993. *After the War Was Over: Hanoi and Saigon*. Vintage Books.
26. Thayer, Thomas C. 1985. *War Without Fronts: The American Experience in Vietnam*. Boulder. Colorado: Westview.
27. Turley, William S. 1986. *The Second Indochina War: A Concise Political and Military History*. Westview.
28. Willbanks, James H.. 2004. *Abandoning Vietnam: How America Left and South Vietnam Lost its War*. Lawrence. The University of Kansas Press.